

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2017/HSST**  
Ngày 26/7/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.  
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Việt Hùng.  
2/ Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại Nhà văn hóa xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2017/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/. Họ và Tên: Nhữ Văn Đ (Tên gọi khác: không).

Sinh năm 1994, tại N - Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Nhữ Văn V, sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Trần Thị T, sinh năm 1961; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1995; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 03/06/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

2/. Họ và Tên: Trần Văn C1 (Tên gọi khác: không).

Sinh năm 1991, tại N - Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Trần Văn N, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Nhữ Thị L, sinh năm 1962; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 03/06/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

- **Người bị hại:** ông Đào Văn T1, sinh năm 1966; Trú tại: thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1982; Trú tại: xóm 7, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973; Trú tại: thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Đức C2, sinh năm 1983; Trú tại: thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

4. Ông Trần Văn N, sinh năm 1960; Trú tại: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Các bị cáo Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 bị Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện N, tỉnh Ninh Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 5/2017, anh Đào Văn T1 sinh năm 1966, anh Nguyễn Đức C2 sinh năm 1983 và anh Nguyễn Văn L sinh năm 1973 đều ở thôn R, xã S, huyện N là người đứng ra thuê anh Trần Văn T2 sinh năm 1982 ở xóm 7, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là anh vợ của anh C2) mang máy gặt về gặt lúa cho gia đình anh T1, anh C2 và anh L và các hộ dân ở xã S, huyện N với giá 120.000đ/1 sào. Để có người phụ giúp mình, anh Trần Văn T2 đã thuê anh Đào Văn T1, Nguyễn Đức C2, Nguyễn Văn L giúp T2 vận hành máy gặt, Sau vụ gặt được bao nhiêu tiền công anh Trần Văn T2 sẽ thanh toán với anh Đào Văn T1, Nguyễn Đức C2, Nguyễn Văn L.

Sáng ngày 18/05/2017, Nhữ Văn Đ biết anh Đào Văn T1, Nguyễn Đức C2, Nguyễn Văn L thuê máy gặt về gặt lúa cho các hộ dân ở xã S nên Nhữ Văn Đ đã rủ Trần Văn C1 đi tìm chủ máy gặt để đòi tiền bảo kê thì C1 đồng ý. Nhữ Văn Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N1-118.11 chở Trần Văn C1 đi đến nhà anh Đào Văn T1 nhưng anh T không có ở nhà mà chỉ có anh Trần Văn T2 và anh Nguyễn Đức C2 đang sửa máy gặt nên Đ, C1 đã đe dọa đồng thời yêu cầu anh T2, anh C2 đưa máy gặt đi nơi khác. Thấy vậy anh Nguyễn Đức C2 đã điện thoại gọi anh T1 về nhà. Khi thấy anh T1 về, Nhữ Văn Đ, Trần Văn C1 đã yêu cầu anh T1 để cho Đ, C1 “Bảo kê” máy gặt và anh T1 có trách nhiệm trích phần trăm tiền công cho Đ, C1 nhưng anh T không đồng ý nên Đ, C1 bực tức ra về. Khoảng 17 giờ ngày 21/05/2017, Nhữ Văn Đ, Trần Văn C1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35N1-118.11 đi đến cánh đồng thôn R, xã S, huyện N thấy máy gặt của anh Trần Văn T2 đang gặt lúa tại cánh đồng thôn R, xã S, huyện N thì Đ, C1 đi đến, Đ hỏi anh Nguyễn

Đức C2 “*Chủ máy đầu, cho gặp chủ máy*”. Lúc này anh T2 và anh C2 đang gặt lúa ở dưới ruộng. Thấy Đ và C1 có thái độ hung hăng nên anh C2 liền gọi điện thoại di động cho anh Nguyễn Văn L đến. Khi anh L đến thì Nhữ Văn Đ hỏi anh L “*Ai là chủ máy*”, thấy vậy anh L đã nói với Đ “*Chủ máy đây*” thì Nhữ Văn Đ đã đe dọa anh L “*Mấy hôm trước bảo lên sao không lên*” - Ý nói anh L đến gặp Đ để đưa tiền bảo kê. Sau đó Đ nói với anh L “*Cho xin mấy đồng*” nhưng anh L không đồng ý. Nhữ Văn Đ nói với Trần Văn C1 “*Xuống cầm cổ cái máy kia lại, gọi lái máy lên đây*” - Ý nói không cho máy gặt hoạt động. Sau đó Đ lấy có gây sự với anh L còn C1 đã xông vào đâm vào mặt anh L làm anh L bị thương nhẹ. Thấy vậy anh C2 tiếp tục gọi điện thoại báo cho anh T1 biết việc Đ, C1 đến gây sự. Khi anh Đào Văn T1 đến thì Đ, C1 tiếp tục đe dọa. Đ nói “*Cháu đã nói chuyện từ trước, cháu bảo kê máy gặt tại sao chủ đưa máy gặt đi gặt lại không nói gì với cháu*” và yêu cầu anh T1 phải nộp tiền bảo kê nhưng anh T1 không chấp nhận. Thấy thái độ hung hăng của Đ, C1 nên anh T đã nói dối Đ, C1 là “*Máy gặt này là của D Q, cần gì thì gặp D Q*” - Vì anh T1 biết anh Nguyễn Văn D (D Q) sinh năm 1989 ở thôn Làng R, xã P, huyện N có quen biết với Đ và C1 nên anh T1 đã nói dối mục đích là để cho Đ, C1 không đe dọa nữa. Thấy anh T1 nói máy gặt của D Q nên Đ, C1 liền lên xe máy đi về nhà anh Nguyễn Văn D hỏi anh Dg, khi được anh D cho biết biết máy gặt đó không phải là của anh D thuê về nên Nhữ Văn Đ, Trần Văn C1 tiếp tục điều khiển xe mô tô quay lại gặp anh T1 yêu cầu nộp tiền. Do sợ Đ, C1 tiếp tục ngăn cản, tìm cách phá máy không cho anh T1, anh C2, anh La, anh T2 gặt lúa nên buộc anh Đào Văn T1 đã phải đi đến chỗ anh Nguyễn Đức C2 lấy số tiền 200.000<sup>d</sup> đem lên đưa cho Đ. Sau khi lấy tiền thì Nhữ Văn Đ, Trần Văn C1 đi về.

- Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 29/6/2017 VKSND huyện N đã truy tố các bị cáo Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 đều về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; theo Điều 135 khoản 1, khoản 5 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, không thay đổi bổ sung gì.

+ Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Sau khi biết anh T1, anh L1, anh C2 thuê máy gặt của anh T2 về gặt lúa cho gia đình và các hộ dân ở xã S, huyện N; khoảng 17 giờ ngày 21/5/2017 các bị cáo Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 đã đến cánh đồng thôn R, xã S nơi anh T2 và nhóm thợ gặt của anh T2 đang điều khiển máy gặt lúa các bị cáo đã gặp anh Nguyễn Văn L đòi tiền “*Bảo kê*” máy gặt nhưng anh L không đồng ý thì các bị cáo có lời nói đe dọa, bắt dừng không cho máy gặt của anh T2 hoạt động, đồng thời lấy có gây sự đánh anh Nguyễn Văn L; khi anh Đào Văn T1 đến gặp các bị cáo, lúc này các bị cáo tiếp tục đòi tiền “*Bảo kê*” máy gặt và có lời nói đe dọa, uy hiếp về mặt tinh thần đối với anh Đào Văn T1, buộc anh T1 đã phải đưa cho các bị cáo số tiền 200.000<sup>d</sup>.

+ Tại phần tranh luận: Kiểm sát viên trình bày các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nhữ Văn Đ và Trần

Văn C1 đều phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Áp dụng Điều 135 khoản 1; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt:

Nhữ Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2017.

Trần Văn C1 từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2017.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận gì với lời luận tội của kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được việc làm trên là sai trái, vi phạm pháp luật và rất ân hận về việc làm trên; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **XÉT THẤY:**

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận khoảng 17 giờ ngày 21/5/2017, tại cánh đồng thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 đã có lời nói đe dọa, bắt dừng không cho máy gặt của anh T2 hoạt động, đồng thời lấy có gây sự đánh anh Nguyễn Văn L và có lời nói đe dọa, uy hiếp về mặt tinh thần đối với anh Đào Văn T1, buộc anh Đào Văn T1 đã phải đưa cho các bị cáo số tiền 200.000<sup>d</sup>. Theo qui định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự thì “Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”; như vậy, hành vi đe dọa, uy hiếp về mặt tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cưỡng đoạt tài sản.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, quyền nhân thân của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ.

Các bị cáo Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 đều là những thanh niên mới lớn nhưng không chịu rèn luyện bản thân, tu trí làm ăn lương thiện; Về lịch sử bản thân các bị cáo đều đã bị xử lý hành chính: bị cáo Đ tháng 10/2011 bị Công an huyện N xử phạt số tiền 500.000<sup>d</sup> về hành vi “Lôi kéo người khác đánh nhau”; bị cáo C1 tháng 11/2011 bị Công an huyện N xử phạt số tiền 1.500.000<sup>d</sup> về hành vi “Gây rối

trật tự công cộng”. Trong vụ án này bị cáo Đ là người đã khởi xướng và rủ bị cáo C1 đi đòi tiền “Bảo kê”; Vì vậy, bị cáo Đ giữ vai trò chính và chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo C1;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều không có;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 200.000<sup>d</sup> trả lại cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, theo qui định tại khoản 5 Điều 135 Bộ luật hình sự qui định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”; do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt mỗi bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

*Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

- Đối với anh Nguyễn Văn L bị Trần Văn C1 đánh bị thương “*Bầm tụ máu, rách da đầu lông mày trái*” anh L tự điều trị tại nhà và đã có đơn xin từ chối giám định sức khỏe đồng thời không yêu cầu Trần Văn C1 phải bồi thường; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với số tiền 200.000<sup>d</sup> do Trần Văn C1 giao nộp là tiền mà Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 đã chiếm đoạt của anh Đào Văn T1. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho anh T1. Sau khi nhận số tiền trên anh T1 nhất trí không có yêu cầu, đề nghị gì; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N1-118.11 do Trần Văn C1 giao nộp đã xác định là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn N (Bố đẻ của Trần Văn C1). Ông N không biết Trần Văn C1 sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông N là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: các bị cáo Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 đều phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

- Bị cáo Nhữ Văn Đ 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 03/6/2017.

- Bị cáo Trần Văn C1 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 03/6/2017.

2. Án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án buộc các bị cáo Nhữ Văn Đ và Trần Văn C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đ, bị cáo C1, ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1, anh C2, anh L, anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình (01 bản);
- VKSND huyện N (03 bản);
- Công an huyện N (01 bản);
- THA.DS huyện N (01 bản);
- Thị hành án HS (02 bản);
- Mỗi bị cáo (01 bản);
- Người bị hại (01 bản);
- Người có QL và NVLQ (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);
- Lưu VP (01 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Bình**